**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

Thương thay phận gái cũng là người,

Nỡ bỏ xuân xanh quá nửa đời.

Ông Nguyệt 6 nỡ nào trêu quải mãi,

Chị Hằng 7 khéo lẽ éo le thôi.

Hoa còn phong nhuỵ ong ve vãn,

Gió đã phai hương bướm tả tơi.

Quá ngán thợ trời 8 ghê gớm bấy,

Xuân xanh được mấy chút thương ôi.

(Trích: **Thương thay phận gái**, Hồ Xuân Hương, in trong Thơ Nôm Hồ Xuân Hương, Kiều Thu Hoạch biên soạn, NXB Văn học, Hà Nội, 2008)

**Thực** **hiện** **các** **yêu** **cầu** **từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):**

**Câu 1.**Văn bản trên sử dụng thể thơ nào?

**Câu** **2.** Xác định phương thức xuất hiện của chủ thể trữ tình trong văn bản?

**Câu 3.**Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ đối trong hai dòng thơ sau:

Hoa còn phong nhuỵ ong ve vãn,

Gió đã phai hương bướm tả tơi.

**Câu** **4.** Trình bày chủ đề của văn bản?

**Câu** **5.** Từ văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về sự khác biệt giữa thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến và xã hội hiện nay.

**PHẦN II: VIẾT (6,0 điểm)**

**Câu 1. (2,0 điểm)**

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Chiêm Tơ Mun trong văn bản sau:

(Tóm tắt: Xing Chơ Niếp là tù trưởng của một buôn làng giàu mạnh. Chàng lấy vợ là Hbra Lơ Tang, sinh được một người con trai đẹp lạ thường, đặt tên là Chiêm Tơ Mun. Hai vợ chồng làm lễ thổi tai cho con rất linh đình, nhưng quên không mời anh em nhà Đăm Chút. Đăm Chút lấy làm tức giận, bèn cùng hai em trai của mình là Đăm San và Đăm Chét kéo đến đánh buôn làng Xing Chơ Niếp, giết chết Xing Chơ Niếp và người anh trai của Xing Chơ Niếp, bắt vợ của Xing Chơ Niếp về làm nô lệ. Chiêm Tơ Mun may nhờ sự che chở của ông Trời nên đã thoát nạn, được vợ chồng người em gái của Xing Chơ Niếp nuôi dưỡng. Khi đã lớn khôn, biết được mối thù năm xưa, Chiêm Tơ Mun đã tìm đến buôn làng của Đăm Chút để báo thù).

Qua bảy ngày, bảy tháng, bảy năm đánh nhau, sức Đăm Chút đã tàn, lực hắn đã cạn, chân nặng như đeo chì, cột đá. Chiêm Tơ Mun dồn hắn vào núi lơtang, đẩy hắn sang núi jut, cuối cùng hắn ngã giúi, nằm ngả nghiêng.

ĐĂM CHÚT: – Ơ làm sao đây? Ta đã hết sức mẹ cho, cha dưỡng rồi.

Chiêm Tơ Mun giết chết Đăm Chút.

CHIÊM TƠ MUN: – Ơ Đăm San! Mày hãy ra ngoài đi, ta đánh nhau sớm trước lúc sương chưa lên trời. Ta chỉ đánh chơi một ngày, một buổi, một chút thôi…

ĐĂM SAN: – Ơ Chiêm Tơ Mun! Gan mày lớn bằng nào, mặt mày to bằng nào mà dám gọi tao? Hai người cùng nhảy lên trời. Mỗi lần Chiêm Tơ Mun vây bên trái, Đăm Săn bay qua phải. Đăm San vọt bên phải, Chiêm Tơ Mun vẫn đứng yên tại chỗ. Dao chạm nhau chan chát, tóe lửa.

Lửa bắn ra như tàn đuốc, như gió thổi đống tro tàn.

Sau năm ngày, năm tháng, năm năm, Đăm San hết sức mẹ cho, cha dưỡng. Hắn vượt qua mười đồi, tám suối, chín khe. Chiêm Tơ Mun rượt theo, đuổi bắt. Đến đồi ole, Đăm San kiệt sức, tàn hơi. Hắn chết cứng đờ như cá horong gặp cạn, như con cọp đói mồi, không kịp nói chuyện với Chiêm Tơ Mun.

Tới sân cây kơnia, Chiêm Tơ Mun hét vang, gọi đến Đăm Chét.

CHIÊM TƠ MUN: – Ơ Đăm Chét! Mày hãy lên đây…

ĐĂM CHÉT: Cha mẹ tao sinh ra tao là con trai để đánh giặc, mày với tao đi một lần, sinh cùng một nhịp trống, sao tao lại không lên?

Đăm Chét vừa nhảy lên trời, Chiêm Tơ Mun cũng nhảy theo ngay. Hắn muốn vượt cao hơn, nhưng Chiêm Tơ Mun cũng bay cao không kém. Hai bên xốc vào nhau, núi nhão ra, rừng tụm lại. Mưa giông ập tới. Dòng sông ngập nước. Cây cối gãy đôi. Cuối cùng Đăm Chét kéo đao chạy. Hắn chạy trốn vượt qua đồi jut, giẫm lên rừng le, nhào qua đầm lầy, chui qua lũng hẹp. Nhưng Chiêm Tơ Mun nắm được bả vai hắn, giật tóc, giúi hắn xuống đất, đẩy hắn xuống nước.

CHIÊM TƠ MUN: Ơ Đăm Chét! Mày mau đi mà làm nhà với Đăm Chút và Đăm San ngoài rừng nhé.

Không nghe thấy Đăm Chét trả lời, hắn đã chết từ lúc nào.

(Trích: **Xing Chơ Niếp**, sử thi Ê đê, in trong Tổng tập văn học Việt Nam, tập 40, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, Tr.165-166)

**Câu 2. (4,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: *Sức mạnh của ngôn từ.*

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **NỘI DUNG** | **Điểm** |
| **Phần** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
| I | 1 | Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm*  *- HS trả lời 2 phương thức, trong đó có 1 phương thức đúng: 0,25 điểm.*  *- HS trả lời 3 phương thức trở lên, trong đó có 1 phương thức đúng: 0 điểm.*  *- HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm* | 0,5 |
| 2 | Phương thức xuất hiện của chủ thể trữ tình: Xuất hiện gián tiếp (ẩn danh). ***Hướng dẫn chấm:***  *- HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm*  *- HS trả lời không đầy đủ: 0,25 điểm*  *- HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm* | 0,5 |
| 3 | Tác dụng của biện pháp tu từ đối trong hai dòng thơ:  Hoa còn phong nhuỵ ong ve vãn, Gió đã phai hương bướm tả tơi.  - Tạo sự hài hòa, cân đối cho câu thơ  - Cho thấy sự éo le, hẩm hiu của thân phận người phụ nữ: khi còn xuân sắc thì bao người tìm đến, nhưng khi đã qua qua buổi xuân thì thì không còn có kẻ đoái hoài.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.*  *- HS nêu được 2 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của liệt kê: 0,75 điểm.*  *- HS nêu được 1 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của phép liệt kê: 0,5 điểm.*  *- HS nêu biểu hiện của phép liệt kê, không nêu được hiệu quả của phép liệt kê: 0,25 điểm.*  *- HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm* | 1,0 |
| 4 | Chủ đề của văn bản:  - Cho thấy thân phận hẩm hiu của người phụ nữ khi đã qua tuổi xuân xanh mà vẫn chưa tìm được hạnh phúc cho mình.  - Bày tỏ thái độ thương cảm với số phận hẩm hiu ấy.  - Ngầm lên án tạo hóa, cuộc đời đã sinh ra người phụ nữ “hồng nhan bạc phận”, “hồng nhan đa truân”.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- HS trả lời như đáp án: 1.0 điểm*  *- HS trả lời được 1 ý: 0,5 điểm*  *- HS trả lời không đúng đáp án hoặc không trả lời: 0 điểm* | 1.0 |
| 5 | Suy nghĩ gì về sự khác biệt giữa thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến và xã hội hiện nay:  - Thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến: do bị ràng buộc bởi lễ giáo phong kiến, họ không được làm chủ, tự quyết định số phận, hạnh phúc của mình, chỉ như loài hoa để bướm ong ve vãn, chán chường rồi lại bỏ đi.  - Thân phận người phụ nữ trong xã hội ngày nay: do đã được giải phóng  khỏi những trói buộc của lễ giáo, họ có quyền chủ động trong việc tìm kiếm hạnh phúc, tự kiến tạo nên số phận của mình.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- HS trả lời như đáp án: 1.0 điểm* | 1.0 |
| II |  | **PHẦN VIẾT** | **6,0** |
| 1 | Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Chiêm Tơ Mun trong văn bản “Xing Chơ Niếp”. | 2,0 |
| *a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn*  - Dung lượng đoạn văn: khoảng 150 chữ  - Hình thức: thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo một trong các cách sau: diễn dịch, quy nạp, tổng – phân - hợp, song hành hoặc móc xích. | 0,25 |
| b. *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*: đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Chiêm Tơ Mun | 0.25 |
| *c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.*  Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:  - Chiêm Tơ Mun là người anh hùng có sức mạnh phi thường: đánh nhau bảy ngày, bảy tháng, bảy năm với Đăm Chút; năm ngày, năm tháng, năm năm với Đăm Săn; rồi chàng lại tiếp tục đánh nhau với Đăm Chét nhưng sức lực vẫn tràn trề.  - Chiêm Tơ Mun là người anh hùng có tài năng phi thường: nhờ tài năng ấy nên dù Đăm Chút, Đăm Săn, Đăm Chét đều là những kẻ thù có võ  nghệ cao cường, nhưng cuối cùng Chiêm Tơ Mun vẫn đánh đuổi và giết chết được kẻ thù.  - Chiêm Tơ Mun là hình ảnh đại diện cho sức mạnh cộng đồng, cho ước mơ về một tù trưởng vĩ đại, người có thể lãnh đạo và bảo vệ cộng đồng trước mọi thế lực xấu xa. | 0,5 |
| *d. Viết đoạn văn đảm bào các yêu cầu sau:*  - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Chiêm Tơ Mun  - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.  - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. | 0,5 |
| *đ. Diễn đạt:*  Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn. | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo:*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2** | **Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: *Sức mạnh của ngôn từ.*** | | ***4,0*** |
| *a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài*  Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Suy nghĩ về vấn đề: *Sức mạnh của ngôn từ.* | | 0,5 |
| *c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:*  - Xác định được các ý chính của bài viết  - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận.  \* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.  \* Triển khai vấn đề nghị luận:  **Giải thích:** Ngôn từ là một phương thức biểu đạt suy nghĩ, truyền tải nội dung thông điệp được cá nhân diễn đạt thành lời nói hoặc văn bản. Nói cách khác, đó chính là phương tiện để con người giao tiếp.  **Ngôn từ có sức mạnh như thế nào?**  + Với mỗi cá nhân:  ++ Ngôn từ là phương tiện dùng để biểu đạt suy nghĩ, cảm xúc, tư tưởng của con người. Ngôn từ có vai trò quan trọng trong việc thể hiện giá trị bản thân của một người. Cách sử dụng ngôn từ có thể phản ánh tính cách, phẩm chất, năng lực và đẳng cấp của họ.  ++ Có rất nhiều người thành công bằng chính cách vận dụng ngôn từ, nhưng cũng có những người thất bại khi không biết sử dụng ngôn từ như thế nào.  ++ Ngôn từ là biểu đạt, là cốt lõi thể hiện giá trị con người, đồng thời cũng là phương tiện để con người nhìn nhận và thay đổi bản thân, từ đó khẳng định mình với thế giới.  ++ Ngôn từ không chỉ đơn thuần là một công cụ để giao tiếp mà còn có thể thúc đẩy tinh thần, khơi gợi cảm hứng, tạo động lực và thậm chí là thay đổi thế giới xung quanh chúng ta, giúp cuộc sống của ta trở nên viên mãn, ý nghĩa,...  + Với cộng đồng, xã hội:  ++ Ngôn từ có sức mạnh kết nối con người với nhau hoặc theo chiều hướng thân thiện hoặc sẽ theo chiều hướng xấu đi.  ++ Hơn nữa, ngôn từ là linh hồn dân tộc, là tầm nhìn, chiến lược, vị thế của đất nước.  ++ Ngôn từ có sức mạnh kết nối các quốc gia, văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc với nhau. Ngôn từ có thể được dịch và dùng để truyền tải thông điệp và giao tiếp với những người ở các quốc gia và vùng đất khác nhau, tạo ra sự đa dạng văn hóa, ứng xử, khẳng định sự tồn tại, phát triển của toàn nhân loại,…  **Làm thế nào để phát huy được sức mạnh ngôn từ?**  ++ Biết lắng nghe  ++ Luyện tập kỹ năng giao tiếp từ những người khác  ++ Đọc sách báo để rèn luyện kỹ năng giao tiếp,…  **Bài học nhận thức, hành động cho bản thân:** Hiểu được sức mạnh của ngôn từ, luôn học hỏi, lắng nghe, trau dồi ngôn ngữ, không ngại khó, ngại khổ để nâng cao khả năng ngoại ngữ bên cạnh việc giữ gìn, phát huy tiếng mẹ đẻ,… | | 1,0 |
| *d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:*  - Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.  - Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận.  - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.  - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. | | 1,5 |
| *đ. Diễn đạt*  Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. | | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** | |